

CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH BẢN ÁN QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI: PHẢI CHĂNG NGUYÊN TẮC CÓ ĐI CÓ LẠI LÀ GIẢI PHÁP?

*Dư Ngọc Bích**

ABSTRACT

The draft of the Civil procedure Code submitted to the National Assembly 5th in May 2004 adds a new provision for recognition and enforcement of foreign civil judgements, decisions. That is the application of the principle of reciprocity in cases where Vietnam and the countries of the courts whose judgements are required to be recognised and enforced in Vietnam are not members of any convention on recognition and enforcement of judgements or where Vietnam domestic laws do not provide possibilities for recognition of foreign judgements. The purpose of this amendment is to fill the hole of the current laws. The article analyses the natural of a foreign judgement and the meaning of recognition and enforcement of foreign judgements, re-examine the reciprocity principle and analyse the current laws and practical problems of this issue in Vietnam. The conclusion is that it is not the principle of reciprocity but the conditions for recognition and enforcement of foreign judgements that should be reviewed.

Title: Recognition and enforcement of foreign court's civil decisions, judgements: is the principle of reciprocity a solution?

TÓM TẮT

Trong Dự thảo Bộ luật tố tụng dân sự trình Quốc Hội kỳ họp thứ V tháng 5/2004 /(Dự thảo)1, tại phần thứ VI về vấn đề công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài (bản án nước ngoài) có đưa vào phần áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Đây là nội dung mới so với Pháp lệnh công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài năm 1993 (Pháp lệnh 1993). Tuy nhiên liệu đây có phải là giải pháp cho vấn đề này hiện nay ở Việt Nam? Bài viết xin nêu một số nhận định về việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong công nhận và thi hành bản án nước ngoài ở Việt Nam.

1 BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN NƯỚC NGOÀI VÀ VẤN ĐỀ CÔNG NHẬN

Việc công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài là một nội dung nghiên cứu của Tư pháp quốc tế². Trong đó nó giải quyết vấn đề hiệu lực pháp lý của bản án của tòa án nước ngoài trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu công nhận. Đây không phải là vấn đề mới mẻ của tư pháp quốc tế, tuy nhiên nó cũng không phải là vấn đề có thể giải quyết dễ dàng. Bởi vì liên quan đến vấn đề này là sự đối lập giữa chủ quyền quốc gia và quyền lợi của các bên đương sự, giữa “sự thân thiện” giữa các quốc gia (comity) và sự thiếu tin tưởng vào hệ thống tư pháp hoặc luật tố tụng của quốc gia khác, và sự khác biệt về những chuẩn mực công bằng, đạo đức, trật tự xã hội ... giữa các quốc gia³.

*Thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học Cần Thơ, nghiên cứu sinh tiến sĩ Luật tại đại học Groningen, Hà Lan. Bài viết này là một phần nội dung thuộc đề tài nghiên cứu của tác giả.

¹ Sau khi bài viết được hoàn thành thì Quốc Hội đã thông qua Bộ luật Tố tụng dân sự (27/05/2004) trong đó có nội dung về áp dụng nguyên tắc có đi có lại và những nội dung khác được nêu trong bài viết này. Bộ Luật Tố tụng dân sự sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2005

² Giáo trình Tư Pháp Quốc tế- Khoa luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, tr 369

³ H.L.Ho, “Policies underlying the enforcement of foreign commercial judgement” International and Comparative Law Quarterly, Vol 46, April 1997, tr 444

Lý do cho những sự đối lập trên là do tính đặc thù của bản án. Một mặt bản án là phán quyết của cơ quan công quyền nên nó mang tính chất công (public), mặt khác nó là sự giải quyết quyền lợi giữa các bên đương sự vì vậy nó mang tính chất tư (private)¹.

Vì nó là phán quyết của cơ quan công quyền nên về mặt chủ quyền quốc gia, nó chỉ có hiệu lực pháp lý trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Nguyên tắc chủ quyền quốc gia không cho phép một bản án của tòa án nước ngoài có hiệu lực trực tiếp trên quốc gia mình. Ngoài ra các quốc gia cũng e dè về tính công minh của tòa án nước ngoài, vấn đề hối lộ, mua chuộc quan tòa, trình độ xét xử của quan tòa và những yếu tố chính trị tác động đến việc xét xử; hoặc e dè về cơ sở quyền tài phán, thủ tục tố tụng của tòa án nước ngoài và cách thức tòa án nước ngoài xét xử vụ việc². Những e dè đó có thể khiến các quốc gia từ chối công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài để bảo vệ công dân, pháp nhân mình³ hoặc yêu cầu sự có qua có lại⁴.

Mặt khác vì nó là sự giải quyết quyền lợi của các bên đương sự nên phát sinh một đòi hỏi thực tế về việc công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài cho sự tiện lợi của đời sống dân sự trong hoàn cảnh quốc tế hóa⁵ và đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đương sự⁶. Hơn nữa việc công nhận tránh được việc xét xử trùng lặp (cùng một sự việc, giữa cùng các đương sự) giữa các tòa án⁷, giảm tổn kém cho việc xét xử và tránh xảy ra việc tranh chấp không có hồi kết thúc.

Vì vậy khi vấn đề công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài được đặt ra, nó là sự tổng hợp của nhiều sự xem xét. Về mặt công, các quốc gia sẽ xem xét đến những quan hệ chính trị, thương mại giữa hai quốc gia. Về mặt tư, các quốc gia sẽ đặt ra vấn đề bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự đã đạt được từ kết quả giải quyết của tòa án nước ngoài, đồng thời cũng bảo vệ đương sự khỏi những xét xử không công bằng và bảo vệ những chuẩn mực đạo đức, trật tự công cộng của quốc gia mình.

Thông thường các quốc gia giải quyết vấn đề công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài bằng cách ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế; áp dụng nguyên tắc có đi có lại; áp dụng các điều kiện công nhận do luật trong nước quy định. Việc ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế thực chất cũng là một hình thức của việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Tuy nhiên các bên ký kết hoặc tham gia điều ước có những thỏa thuận thống nhất những nội dung hoặc thủ tục liên quan đến vấn đề công nhận và thi hành và nếu đạt được một hiệp định hoặc công ước tốt, nó có thể có là công cụ rất hiệu quả cho việc công nhận và thi hành bản án, quyết định của tòa án giữa các nước thành viên⁸. Việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại ở hình thức thứ hai và cũng là hình thức được đề cập trong điều 343 của Dự thảo thì mỗi quốc gia sẽ áp dụng theo luật nội địa của mình đối với việc công nhận và thi hành bản án của tòa án của nước được áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Bài viết chỉ đề cập đến hình thức có đi có lại thứ hai.

¹ Yntema "the enforcement of foreign judgements in Anglo-American law" (1935) 33 Mich.L.R. 1129-1142

² Juenger F.K "The recognition of money judgements in civil and commercial matters" (1988) 36 American Journal of Comparative Law, tr 4

³ Castel J.G "Recognition and enforcement of foreign judgements in *Personam* and *in Rem* in the Common Law provinces of Canada" (1971) 17 McGill Law Journal, tr14

⁴ Niv Tadmore "Recognition of foreign *in personam* money judgements in Australia", Deakin Law review 2 (1995), tr132

⁵ Casad .R.C "Civil Judgement Recognition and the Integration of Multi-State Associations: A comparative Study" (1980-81) 4 Hastings International and Comparative Law Review, tr7

⁶ Cheshire and North's "Private International law" 13th edition, Butterworths, London 1999, tr 405

⁷ Von Mehren, T & Trautman, D.T "Recognition of Foreign Adjudications: A survey and a Suggested Approach" (1968) 81 Harvard Law Review tr 1603-1604

⁸ Ví dụ điển hình là công ước Brussels 1968 của cộng đồng Châu Âu, công ước Lugano 1988, và Brussels Regulation 44/2001 về quyền tài phán và vấn đề thi hành phán quyết nước ngoài trong lĩnh vực dân sự thương mại.

2 ĐÁNH GIÁ LẠI NGUYÊN TẮC CÓ ĐI CÓ LẠI

Nguyên tắc có đi có lại có nguồn gốc từ nguyên tắc thân thiện quốc gia (comity). Nguyên tắc thân thiện quốc gia cho rằng về mặt chủ quyền quốc gia, luật của nước khác (hay bản án của nước khác) không có hiệu lực trực tiếp trên lãnh thổ của quốc gia khác. Tuy nhiên xuất phát từ sự tiện lợi giữa các nước nên có sự thỏa thuận ngầm giữa các nước trong việc công nhận hiệu lực pháp lý của pháp luật (bản án) của nước khác trên lãnh thổ một nước¹. Nguyên tắc thân thiện quốc gia ngầm định rằng thân thiện quốc gia đòi hỏi sự có đi có lại để có sự ngang bằng (equality)². Vì vậy sự thân thiện không đòi hỏi một nước công nhận bản án của một nước thứ hai mà nước này đã không công nhận bản án của nước thứ nhất³.

Nguyên tắc thân thiện quốc gia và có đi có lại không trái ngược với nguyên tắc chủ quyền quốc gia. Vì vậy những nguyên tắc này được chấp nhận và áp dụng một cách phổ biến. Tuy nhiên những nguyên tắc này lại đặt nặng vấn đề quan hệ quốc gia và xem nhẹ khía cạnh tư (quyền lợi của đương sự). Đặc biệt trong hoàn cảnh quốc tế hóa hiện nay khi mà sự giao lưu dân sự thương mại phát triển hơn bao giờ hết và đôi khi khó xác định được biên giới chủ quyền quốc gia⁴ thì cũng cần đánh giá lại vị trí của những nguyên tắc này.

Một điều rõ ràng là nguyên tắc có đi có lại mang bản chất chính trị. Chính bản chất chính trị này làm lệch hướng công bằng đối với vấn đề công nhận⁵. Bởi vì nó đối xử phân biệt giữa các bản án của các nước khác nhau⁶ và phớt lờ lợi ích của đương sự. Tại sao quyền lợi hợp pháp của đương sự lại bị buộc phải trả giá cho quan hệ giữa các quốc gia?. Một hệ quả khác của nguyên tắc có đi có lại là sự trì hoãn và gây tốn kém cho cả đương sự lẫn nhà nước được yêu cầu công nhận⁷. Vì nếu một bản án không được công nhận do nguyên tắc có đi có lại, đương sự buộc phải bắt đầu vụ việc lại ở tòa án của nước được yêu cầu công nhận. Trì hoãn xảy ra ở tòa án của nước được yêu cầu công nhận chứ không phải ở nước ngoài, và tốn kém là tốn kém cho nước được yêu cầu công nhận (chi phí xét xử) và đương sự chứ không phải cho chính phủ nước ngoài.

Một lý do khác cho việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại đó là các quốc gia hy vọng nó là công cụ để buộc các quốc gia khác sẽ công nhận bản án của tòa án quốc gia mình và vì vậy có thể bảo vệ quyền lợi của công dân và pháp nhân của mình ở nước ngoài⁸. Tuy nhiên không ai đảm bảo rằng mục tiêu này có thể được thực hiện. Kể cả khi đạt được một thỏa thuận hoặc ngầm định về áp dụng nguyên tắc có đi có lại thì các quốc gia cũng không hoàn toàn mặc nhiên công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài mà vẫn xem xét đến các điều kiện công nhận (hoặc không công nhận) được quy định trong luật quốc gia. Sự khác biệt về các điều kiện công nhận cũng như những chuẩn mực công bằng trong luật quốc gia làm cho việc công nhận và thi hành bản án nước ngoài giữa các quốc

¹ Huber (1689), được trích dẫn bởi Juenger, F.K “Choice of Law and Multistate Justice”, Martinus Nijhoff Publishers, the Netherlands, (1993), tr 20-21

² Savigny.V (1849), được trích dẫn bởi Lenhoff. A “Reciprocity: The Legal aspect of a Perennial Idea” (1954) 49 Northwestern University Law Review 752, tr 763, 772

³ *Hilton v Guyot* 159 US 113 (1895) tại 212, được trích dẫn bởi Niv Tadmore “Recognition of foreign *in personam* money judgements in Australia”, Deakin Law review 2 (1995), tr 135

⁴ Ví dụ điển hình là sự phát triển của internet, thương mại điện tử.

⁵ Cheshire and North’s “Private International law” 13th edition, Butterworths, London 1999, tr 5

⁶ Gilbert D. Kennedy “Recognition of Judgements *in Personam*: the Meaning of Reciprocity”, The Canadian Bar Review, Vol 35, No2, February 1957 tr131

⁷ Niv Tadmore “Recognition of foreign *in personam* money judgements in Australia”, Deakin Law review 2 (1995), tr 178

⁸ Lehoff. A “Reciprocity: The legal aspect of a Perennial Idea” (1954) 49 Northwestern University Law Review, tr 763, 772

gia có thỏa thuận có đi có lại cũng không dễ dàng gì¹. Điều này làm cho nguyên tắc có đi có lại cũng chỉ mang tính hình thức.

Lý do Dự thảo đưa vào nguyên tắc này là xuất phát từ sự khiếm khuyết của Pháp lệnh 1993. Theo pháp lệnh 1993² và Thông tư liên ngành 04/TTLN (24/07/1993) giải thích pháp lệnh 1993³ thì việc công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài chỉ áp dụng đối với những nước có ký Hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam trong đó có quy định vấn đề công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của mỗi nước⁴. Nhưng thực tế các bản án quyết định ly hôn có nhu cầu công nhận tại Việt Nam lại đến từ những nước không có hiệp định với Việt Nam⁵. Để giải quyết vấn đề này Nghị Định 83/1998/NĐ (10/10/1998) về đăng ký hộ tịch đã đưa vào nguyên tắc có đi có lại như là giải pháp cho vấn đề thực tiễn đặt ra. Vì vậy nguyên tắc này được đưa vào dự thảo Bộ Luật Tố tụng dân sự để giải quyết những trường hợp không có điều ước và pháp luật Việt Nam không có quy định⁶. Tuy nhiên việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại theo Nghị Định 83 trên thực tế là nguyên tắc mở. Theo đó không đòi hỏi phải có sự công nhận hoặc cam kết công nhận bản án, quyết định ly hôn của tòa án Việt Nam ở nước có bản án, quyết định ly hôn được yêu cầu công nhận ở Việt Nam, mà chỉ cần một số điều kiện: vụ việc không thuộc thẩm quyền xét xử riêng biệt của toàn án Việt Nam; không có đơn yêu cầu không công nhận; căn cứ theo điều 83, 84, 85 Bộ tư pháp thấy đủ điều kiện để ghi chú vào sổ sự thay đổi hộ tịch⁷. Thực tế nhiều bản án, quyết định ly hôn của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của các nước Úc, Mỹ, Canada, Thụy Điển, Na-uy, Đài Loan đã được ghi chú⁸. Vì vậy đối với Nghị Định 83, nguyên tắc có đi có lại chỉ khoát bề ngoài, thực chất việc ghi chú ly hôn- một hình thức công nhận bản án, quyết định ly hôn- là việc đáp ứng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của đương sự mà nhà nước không thể từ chối được.

Nguyên tắc có đi có lại được mong đợi sẽ giải quyết kịp thời quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong trường hợp không có điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam không có quy định⁹. Nhưng liệu mục tiêu này có đạt được hay không nếu xem xét đến điều kiện không công nhận bản án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài theo luật Việt Nam. Theo điều 16 Pháp lệnh 1993, tương đương điều 356 Dự thảo, một bản án, quyết định dân sự nước ngoài sẽ không được công nhận tại Việt Nam nếu thuộc một trong 6 trường hợp. Sau đây chỉ xin nêu ra một trường hợp: bản án quyết định dân sự nước ngoài sẽ không được công nhận nếu vụ án thuộc thẩm quyền xét xử riêng biệt của tòa án Việt Nam. Hay nói cách khác, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài sẽ được công nhận tại Việt Nam nếu, ngoại trừ 5 trường hợp còn lại, không thuộc thẩm quyền xét xử riêng biệt của tòa án Việt Nam.

Các văn bản pháp luật trong nước không quy định rõ những trường hợp nào thuộc quyền tài phán riêng biệt của tòa án Việt Nam, nhưng nếu xem xét các văn bản pháp luật có quy

¹ Leif Gamertsfelder "Cross Border Litigation: Exploring the Difficulties associated with Enforcing Australian Money Judgements in Japan" Australian Bar Review Vol 17, 1998, tr 161-185.

² Điều 2(2) Pháp lệnh 1993

³ Phần I(1) Thông tư 04/TTLN

⁴ Việt Nam đã ký kết hiệp định tương trợ tư pháp song phương trong đó có quy định về việc công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của tòa án Việt Nam với tòa án nước ký kết: Nga, Cộng hoà Séc, Cộng hoà Slovakia, Bulgaria, Hungary, Cuba, Ba lan, Lào, Trung Quốc, Pháp, Ukraine, Mông Cổ. Theo tài liệu Hiệp định tương trợ tư pháp của Bộ Tư Pháp.

⁵ Xem Nguyễn Công Khanh "Những vướng mắc từ việc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài", Tạp chí tòa án Nhân dân, số 11, 1999, tr 3; Hoàng Ngọc Thành "Vấn đề công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, quyết định trọng tài nước ngoài", tạp chí tòa án nhân dân, số 5, năm 2001, tr 23

⁶ Hoàng Ngọc Thành, tr27; Nguyễn Công Khanh, tr4

⁷ Ghi nhận từ khảo sát các hồ sơ xin ghi chú ly hôn theo Nghị Định 83 tại Sở tư Pháp TP HCM

⁸ Như trên

⁹ Xem Nguyễn Công Khanh tr 4

định quyền tài phán của tòa án Việt Nam thì quyền tài phán riêng biệt của tòa án Việt Nam có thể tìm thấy trong Luật đầu tư nước ngoài¹ và trong một số Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với một số nước². Trong Dự thảo tại Điều 417 quy định một số trường hợp về quyền tài phán đặc biệt của tòa án Việt Nam liên quan đến bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam, hợp đồng vận chuyển mà người vận chuyển có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại Việt Nam và một số vụ việc khác. Điều này có thể hiểu là quyền tài phán riêng biệt của tòa án Việt Nam. Các Hiệp định quy định quyền tài phán riêng biệt của tòa án hai nước ký kết trong một số trường hợp như tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích, liên quan đến bất động sản, đối với các vụ việc có liên quan đến công dân hoặc pháp nhân giữa hai nước ký kết. Những hiệp định cũng quy định việc công nhận và thi hành bản án quyết định của tòa án hai nước ký kết trong đó có điều kiện là vụ việc không thuộc quyền tài phán riêng biệt của nước ký kết được yêu cầu công nhận. Như vậy đối với bản án, quyết định dân sự của tòa án của nước được áp dụng nguyên tắc có đi có lại hoặc kể cả những nước có ký hiệp định tương trợ tư pháp và có điều khoản về công nhận thi hành bản án quyết định của tòa án của hai nước ký kết nhưng những bản án này không phải về những vụ việc liên quan đến công dân hoặc pháp nhân hai nước được quy định trong hiệp định, thì bất kể tòa án những nước này dựa trên cơ sở quyền tài phán gì miễn không thuộc những vụ việc thuộc quyền tài phán riêng biệt của Việt Nam nói trên, thì có thể được công nhận. Như vậy có trường hợp những nước này dựa trên những quyền tài phán “cắt cổ” (exorbitant jurisdiction) ví dụ: điều 14 của Bộ luật dân sự Pháp³ cho phép tòa án Pháp có quyền tài phán chung không hạn chế đối với bất kỳ bị đơn nào nếu trong vụ việc đó nguyên đơn mang quốc tịch Pháp, bất kể nguyên nhân của vụ kiện xảy ra ở đâu⁴; hoặc điều 23 Bộ luật tố tụng dân sự Đức⁵ quy định quyền tài phán không hạn chế của tòa án Đức nếu có sự hiện diện của bất kỳ tài sản nào của bị đơn ở Đức (tài sản đó có thể là một đôi dép hoặc một cây dù bỏ quên ở khách sạn ở Đức); hoặc ở Anh, tòa án có quyền thụ lý vụ án nếu giấy thông báo về việc khởi kiện được chuyển hợp lệ đến bị đơn ngay lúc bị đơn có mặt ở Anh bất kể trong bao lâu. Những nước khác như Bỉ, Đan Mạch, Hà Lan... đều có quy định những quyền tài phán được cho là “cắt cổ”⁶. Những quyền tài phán được cho là “cắt cổ” khi vụ việc được thụ lý giải quyết bởi tòa án của một nước theo quy định của luật của quốc gia đó nhưng có rất ít hoặc không hề có một sự liên hệ nào với vụ việc thụ lý. Việc công nhận những bản án được xét xử như vậy có thể gây thiệt hại cho lợi ích của bị đơn hoặc đương sự⁷.

Vấn đề cần xem xét lại điều kiện để công nhận (hoặc không công nhận) bản án quyết định của tòa án nước ngoài để bảo vệ quyền lợi chính đáng của đương sự đã được nêu lên⁸.

¹ Điều 24 Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam 1996 và luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2000; điều 122 Nghị Định 24/2000-NĐ-CP (31/07/2000). Mặc dù những điều luật này không quy định là tòa án Việt Nam có quyền xét xử riêng biệt nhưng lại quy định là các tranh chấp chỉ được giải quyết bằng thỏa thuận trọng tài hoặc tòa án Việt Nam

² Với Nga, Ba Lan, Ukraine, Mông Cổ, Cu Ba, Hungary, Bulgaria

³ Code civil 1804, xem điều 3 Công ước Bruxelles 1968 về quyền tài phán và việc thi hành bản án trong những vấn đề dân sự thương mại

⁴ Trong Hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam và Pháp có quy định điều kiện để công nhận bản án của tòa án của nước ký kết, trong đó điều kiện về quyền tài phán của tòa án nước yêu cầu công nhận sẽ theo quy định của nước được yêu cầu công nhận, do đó hạn chế tác dụng của điều 14 Bộ luật dân sự Pháp

⁵ Zivilprozessordnung 1877, xem điều 3 Công ước Bruxelles 1968 về quyền tài phán và việc thi hành bản án trong những vấn đề dân sự thương mại

⁶ Xem điều 3 Công ước Bruxelles 1968 về quyền tài phán và việc thi hành bản án trong những vấn đề dân sự thương mại

⁷ Vì vậy trong Công ước Bruxelles 1968 về quyền tài phán và việc thi hành bản án về những vấn đề dân sự thương mại đã loại bỏ việc công nhận các bản án của các nước thành viên dựa trên các quyền tài phán cắt cổ được quy định trong luật quốc gia, nếu bị đơn có nơi cư trú tại một trong các nước thành viên. Xem điều 3 của Công ước

⁸ Xem Chu Tuấn Đức “Công nhận bản án ly hôn của tòa án nước ngoài tại Việt Nam hiện trạng và giải pháp”-Tạp chí toà án nhân dân, số 2, năm 2000, tr 7-9; Lê Thu Hằng “Kinh nghiệm quốc tế trong việc công nhận và cho thi hành bản

Đây là vấn đề phức tạp và cần sự nghiên cứu toàn diện vì tùy theo tính chất của từng loại bản án mà những điều kiện có thể khác nhau. Bởi như đã đề cập ở trên việc công nhận một bản án của tòa án nước ngoài phải nhằm đạt được mục tiêu bảo vệ lợi ích của các bên và cả lợi ích của nước được yêu cầu công nhận về khía cạnh trật tự công cộng.

Như vậy nếu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là một trong những mục tiêu của tư pháp quốc tế thì rõ ràng nguyên tắc có đi có lại không phải là điều mong đợi. Bởi nó đang bảo vệ cái không cần bảo vệ và cái cần bảo vệ chính là xây dựng được những điều kiện cho việc công nhận bản án của tòa án nước ngoài với tiêu chí nêu trên. Hơn nữa việc điều chỉnh vấn đề công nhận bản án tòa án nước ngoài không phải bằng nguyên tắc có đi có lại mà bằng những điều kiện hợp lý quy định trong luật quốc gia không đi trái với chủ quyền quốc gia. Bởi chính việc quy định các điều kiện cho việc công nhận đó rõ ràng là đã thể hiện chủ quyền của quốc gia rồi. Ngoài ra việc quy định các điều kiện công nhận và thi hành bản án một cách hợp lý từ đó tạo khả năng công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài mà không cần quy định áp dụng nguyên tắc có qua có lại sẽ là một bằng chứng khách quan để những nước vẫn còn áp dụng nguyên tắc có đi có lại tạo cơ hội công nhận và thi hành bản án của tòa án Việt Nam.

3 KẾT LUẬN

Vấn đề công nhận và thi hành bản án của tòa án nước ngoài là vấn đề phức tạp. Sự khác biệt pháp luật và những chuẩn mực công bằng đạo đức giữa các quốc gia là nguyên nhân cho sự phức tạp đó. Tuy nhiên từ đòi hỏi khách quan của thực tế đời sống quốc tế hóa, các quốc gia không thể chối bỏ vấn đề công nhận. Việc giải quyết xung đột giữa các quốc gia bằng các điều ước quốc tế đa phương là giải pháp tối ưu vì nó đạt được sự thỏa hiệp giữa những khác biệt và tạo ra cơ chế áp dụng hiệu quả. Thực tế đã chứng minh qua một số công ước về công nhận, thi hành bản án quyết định của tòa án nước ngoài. Tuy nhiên để đạt được sự thỏa hiệp giữa các quốc gia không phải lúc nào cũng dễ dàng. Điều này có thể thấy qua sự thất bại của Công ước The Hague 1971 về công nhận và thi hành bản án quyết định của tòa án nước ngoài trong vấn đề dân sự thương mại và những khó khăn của hội nghị The Hague trong việc xây dựng một công ước mới có tính toàn cầu về vấn đề này. Việc ký kết các hiệp định song phương cũng là một là giải pháp, tuy nhiên nó cũng chỉ giải quyết vấn đề giữa hai quốc gia. Do đó việc quy định các điều kiện công nhận, thi hành bản án của tòa án nước ngoài mà không dựa vào nguyên tắc có đi có lại tạo điều kiện đáp ứng được đòi hỏi của thực tế, bảo vệ quyền lợi của đương sự và vẫn giữ được chủ quyền quốc gia. Vấn đề còn lại là cần nghiên cứu để xây dựng những điều kiện đó như thế nào để đạt được mục đích trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Công ước Bruxelles 1968 về quyền tài phán và việc thi hành bản án trong những vấn đề dân sự thương mại
- Công ước The Hague 1971 về công nhận và thi hành bản án nước ngoài trong những vấn đề dân sự thương mại
- Công ước Lugano 1988 về quyền tài phán và việc thi hành bản án trong những vấn đề dân sự thương mại
- Brussels Regulation 44/2001 về quyền tài phán và việc thi hành bản án trong những vấn đề dân sự thương mại
- Pháp lệnh 1993 về công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài

án quyết định của tòa án nước ngoài và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam” trong “ Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc ban hành Pháp lệnh tương trợ tư pháp”-Báo cáo của Viện nghiên cứu pháp lý- Bộ tư pháp, tr 167- 168, năm 2001.

- Thông tư 04/TTLN (24/07/1993) giải thích pháp lệnh 1993 về công nhận và thi hành bản án quyết định dân sự của tòa án nước ngoài
- Giáo trình Tư Pháp Quốc tế- Khoa luật- Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001
- H.L.Ho, "Policies underlying the enforcement of foreign commercial judgement" International and Comparative Law Quarterly, Vol 46, April 1997
- Yntema "The enforcement of foreign judgements in Anglo-American law" (1935) 33 Mich.L.R
- Juenger F.K "The recognition of money judgements in civil and commercial matters" (1988) 36 American Journal of Comparative Law
- Castel J.G "Recognition and enforcement of foreign judgements in Personam and in Rem in the Common Law provinces of Canada" (1971) 17 McGill Law Journal
- Niv Tadmore "Recognition of foreign in personam money judgements in Australia", Deakin Law review 2 (1995)
- Casad.R.C "Civil Judgement Recognition and the Integration of Multi-State Associations: A comparative Study" (1980-81) 4 Hastings International and Comparative Law Review
- Cheshire and North's "Private International law" 13th edition, Butterworths, London 1999
- Von Mehren, T & Trautman, D.T "Recognition of Foreign Adjudications: A survey and a Suggested Approach" (1968) 81 Harvard Law Review
- Juenger, F.K "Choice of Law and Multistate Justice", Martinus Nijhoff Publishers, the Netherlands, (1993)
- Lenhoff. A "Reciprocity: The Legal aspect of a Perennial Idea" (1954) 49 Northwestern University Law Review
- Gilbert D. Kennedy "Recognition of Judgements in Personam: the Meaning of Reciprocity", The Canadian Bar Review, Vol 35, No2, February 1957
- Leif Gamertsfelder "Cross Border Litigation: Exploring the Difficulties associated with Enforcing Australian Money Judgements in Japan" Australian Bar Review Vol 17, 1998
- Tài liệu Hiệp định tương trợ tư pháp của Bộ Tư Pháp
- Nguyễn Công Khanh "Những vướng mắc từ việc công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài", Tạp chí tòa án Nhân dân, số 11, 1999
- Hoàng Ngọc Thành "Vấn đề công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài, quyết định trọng tài nước ngoài", tạp chí tòa án nhân dân, số 5, năm 2001
- Chu Tuấn Đức "Công nhận bản án ly hôn của tòa án nước ngoài tại Việt Nam hiện trạng và giải pháp"- Tạp chí tòa án nhân dân, số 2, năm 2000
- Lê Thu Hằng "Kinh nghiệm quốc tế trong việc công nhận và cho thi hành bản án quyết định của tòa án nước ngoài và kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam" trong "Cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc ban hành Pháp lệnh tương trợ tư pháp"- Báo cáo của Viện nghiên cứu pháp lý- Bộ tư pháp, năm 2001.